

Số: /2022 /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHOÁ KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang, gồm: cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, điểm thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu được cấp có thẩm quyền cho phép (gọi tắt là cửa khẩu) trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Chủ sở hữu hoặc người điều khiển phương tiện ra, vào cửa khẩu thuộc khu kinh tế cửa khẩu An Giang.

3. Đối tượng được miễn nộp phí

a) Đối với phương tiện đường bộ

Xe 02 bánh; xe cứu thương; xe chữa cháy; xe chuyên dùng phục vụ tang lễ; xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng; xe chuyên dùng phục vụ an ninh của các lực lượng công an.

Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hoạt động trong khu vực cửa khẩu đã nộp tiền sử dụng hạ tầng khu thương mại - dịch vụ các cửa khẩu có phương tiện vận chuyển hàng hóa bằng ô tô thuộc chủ sở hữu của các đơn vị này khi xuất, nhập khẩu ra, vào khu vực cửa khẩu.

b) Đối với phương tiện đường thủy

Phương tiện thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan hải quan đang làm nhiệm vụ; phương tiện của cơ quan thanh tra giao thông, cảng vụ đường thủy nội địa.

Phương tiện tránh bão, cấp cứu.

Phương tiện vận chuyển hàng hóa có trọng tải toàn phần dưới 10 tấn hoặc chở khách dưới 13 ghế.

Phương tiện vận chuyển phòng chống lụt bão.

4. Tổ chức thu phí

Các Ban Quản lý cửa khẩu: Vĩnh Xương, Tịnh Biên và Khánh Bình.

5. Mức thu phí

DVT: đồng/ phương tiện/ lượt ra, vào

STT	Phương tiện chịu phí	Mức thu phí
I	Xe khách thông thường	
1	Xe dưới 12 ghế ngồi	40.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi	55.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên	70.000
II	Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan, hàng hóa quá cảnh	

STT	Phương tiện chịu phí	Mức thu phí
1	Xe 03 bánh được cấp phép lưu hành	10.000
2	Xe tải có tải trọng dưới 2 tấn	40.000
3	Xe tải có trọng tải từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	55.000
4	Xe tải có trọng tải từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	70.000
5	Xe tải có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 feet	110.000
6	Xe tải có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 feet	160.000
III	Phương tiện vận tải thủy	
1	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	10.000
2	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 200 tấn	30.000
3	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 200 tấn đến 500 tấn	80.000
4	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn	150.000
5	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn	250.000
6	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn	300.000

6. Kê khai, nộp phí

Cơ quan tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

7. Quản lý và sử dụng phí

a) Số tiền Phí thu được tại khoản 5 Điều này thực hiện nộp 60% vào ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Đối với 40% tổng số tiền phí thu được để lại để sử dụng cho công tác quản lý, công tác phục vụ thu phí và chi phí dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng và các chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa, kỳ họp thứ.....thông qua ngày.....tháng.....năm.....và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam (b/c);
- Văn phòng Quốc hội (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH (b/c);
- Bộ Tài chính; Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang, Website tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp.

CHỦ TỊCH